

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 28 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng
Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1985 tại Ninh B. Nơi cư trú: Số 65D/97, khu phố 1, phường Tân Thới H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ, sinh năm 1954 và bà Tạ Thị H, sinh năm 1957; có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2021 cho đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thành T** (tên gọi khác: Trung L, Trung N), sinh ngày 19/7/2003 tại Bạc L. Nơi ĐKKHKT: Số 04, Khóm A, Phường B, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Số 91/5, Khóm C, Phường D, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/3/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Bạc L xử phạt 03 tháng 14 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2021 cho đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: **Lâm D**, sinh năm 1997 tại Sóc T. Nơi cư trú: Khóm Cà L, Phường A, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm C và bà Thạch Thị H; có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2021 cho đến nay, (có mặt).

4. Họ và tên: **Huỳnh Văn M**, sinh năm 1998 tại Sóc Trăng, Nơi ĐKHKTT: ấp Trà Q, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Khóm 2, Phường A, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hòa H (chết) và bà Quách Thị L (chết); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/5/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Bạc L ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng, chấp hành xong ngày 22/4/2020. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

5. Họ và tên: **Phan Trần Kim Ngọc N**, sinh ngày 09/9/2000 tại Bạc Liêu. Nơi ĐKHKTT: Số 44B, đường Lê Văn D, Khóm A, Phường B, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu; Tạm trú: Khóm A, Phường B, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phan Văn C, sinh năm 1957 và bà Trần Thị M, sinh năm 1954; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Bạc L xét xử tuyên xử 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

6. Họ và tên: **Lưu Ngọc T** (tên gọi khác: Thanh), sinh ngày 13/6/2003 tại Bạc Liêu. Nơi ĐKHKTT: Khóm C, Phường D, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Khóm A, Phường B, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Minh V, sinh năm 1975 và bà Đinh Ngọc H, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Dil:* Ông Trần Minh Thư, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Nơi ĐKHKTT: Thôn Hưng C, xã Phú H, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh. Chỗ ở hiện nay: Số 75/5Q, Tổ 129, ấp Tam Đ, xã Thới Tam T, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Nơi ĐKHKTT: Khóm A, Phường B, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số 91/5, Khóm C, Phường D, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3. Bà Đinh Ngọc H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm E, Phường F, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T và Lâm D đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu và được bố trí giam cùng phòng số 05 khu cách ly

phòng, chống dịch Covid-19. Trong thời gian tạm giam, D nảy sinh ý định bỏ trốn nên rủ T và D cùng trốn, cả hai đồng ý. Ngày 25/8/2021, khi được trích xuất làm việc, lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo trong công tác tạm giam, D lén nhặt 02 ổ khóa cửa bằng kim loại hiệu VIỆT - TIẾP và 01 đoạn kim loại dạng móc cửa rồi đưa vào phòng cho T cất giữ. Sau khi vào phòng, D bẻ cán bàn chải vệ sinh bồn cầu bằng nhựa rồi dùng dây vải buộc 02 ổ khóa vào cán bàn chải tạo thành công cụ giống cây búa dùng để đập tường; còn đoạn kim loại dạng móc cửa, D mài nhọn một đầu dùng để cạy tường. Ngày 26/8/2021, D dùng 02 công cụ nêu trên đập phá nền gạch tại vị trí gần hồ chứa nước trong phòng, còn T giúp đổ nước vào vị trí này nhưng thấy không thể trốn được nên dừng lại. Sau đó, D thấy tường tại vị trí cửa sổ có vết nứt nên tiếp tục đập tại đây từ ngày 27/8/2021. Để không bị phát hiện, hàng ngày, ba bị cáo thay phiên nhau đập nhưng chỉ thực hiện 01 - 02 lần, chọn thời điểm thực hiện vào lúc phát cơm trưa, cơm chiều, khi có loa phát thanh, những lúc trời mưa và không thực hiện vào ban đêm. Khi ra được bên ngoài, T sẽ dẫn cả nhóm đến phòng trọ của Huỳnh Văn M (bạn T) mượn điện thoại liên hệ tìm người giúp bỏ trốn khỏi tỉnh Bạc Liêu. Đến ngày 14/9/2021, ba bị cáo đập phá được các góc tường cửa sổ nên thống nhất đến tối sẽ bỏ trốn. Khoảng 20 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc trời đang mưa, không có cán bộ tuần tra, canh gác, T và D cùng nhau giật khung cửa sổ tách rời khỏi tường, còn D2 dùng tay giữ các mảnh bê tông rơi rồi đặt lên cái mền của T được trải phía dưới cửa sổ để không gây ra tiếng động. Sau đó, ba bị cáo đi ra khỏi phòng số 05 rồi dùng 02 cái mền của D và D2 buộc vào tường rào của Trại tạm giam để trèo ra bên ngoài. Trung dẫn đường cho cả nhóm đi đến phòng trọ của Huỳnh Văn M và Phan Trần Kim Ngọc N thuê ở tại nhà trọ Trung H thuộc Khóm A, Phường B, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu. Khi vào phòng trọ, M lấy quần áo cho cả ba thay do quá trình bỏ trốn bị ướt và dính bùn đất. Mặc dù biết được bị cáo T phạm tội Giết người, các bị cáo D, D2 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy bỏ trốn khỏi Trại tạm giam nhưng M và N vẫn cho ba bị cáo lần trốn tại phòng trọ do mình quản lý, cho mượn điện thoại liên hệ cho người thân, người quen mượn tiền để sử dụng khi bỏ trốn và liên hệ tìm người giúp bỏ trốn khỏi tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, N còn cho D mượn tài khoản để nhận tiền, đi rút tiền giúp D và đi đến nhà mẹ T lấy quần áo giúp cho T. Đối với Lưu Ngọc T, biết bị can T phạm tội Giết người, đã bỏ trốn khỏi Trại tạm giam đến lần trốn tại phòng trọ của M và N, T đã điều khiển xe mô tô 94F7-3489 đến gặp T. Tại đây, T gặp D với D2 và biết được D, D2 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị bắt vừa trốn ra khỏi trại tạm giam cùng với T. Tr còn cho N mượn xe đi rút tiền giúp D và lấy quần áo giúp T. Đến khoảng 04 giờ ngày 15/9/2021, Tr đi cùng với T về nhà tại Khóm 1, Phường 7, thành phố Bạc Liêu lấy xe mô tô cho T sử dụng làm phương tiện bỏ trốn khỏi tỉnh Bạc Liêu cùng với D và D2. Khi Trung điều khiển xe mô tô 94F7-3489 chở Tr về đến nhà thấy lực lượng Công an nên bỏ chạy thì bị bắt. Ngay sau đó, lực lượng bắt được Nguyễn Quốc D cùng với Lâm D2 tại phòng trọ do M và N quản lý.

Tại Cáo trạng số: 19/CT-VKS-P1 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T và Lâm D2 về tội “*Trốn khỏi nơi giam*” theo điểm a khoản 2 Điều 386 Bộ luật Hình sự.

- Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc T về tội “*Che giấu tội phạm*” theo các điểm b, e, i khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử các bị cáo như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T và Lâm D2 phạm tội “*Trốn khỏi nơi giam*”; các bị cáo Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc T phạm tội “*Che giấu tội phạm*”

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm D2 từ 04 đến 05 năm tù.

- Áp dụng các điểm b, e, i khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn M từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng các điểm b, e, i khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Trần Kim Ngọc N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng các điểm b, e, i khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc Tr từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Trả cho bà Đinh Ngọc H: 01 (một) chiếc xe Wave màu đỏ, biển kiểm soát 94F7-3489, số máy: VTT JL1P52 FMH -B005928.

- Trả cho bà Nguyễn Thị T: 01 (một) điện thoại di động hiệu FORME màu xanh dương đã qua sử dụng, số IMEI: 11357956091739104, sử dụng số thuê bao 0917948344.

- Trả cho bị cáo Lưu Ngọc Tr: 01 (một) điện thoại di động hiệu REALME C3 có ốp lưng màu hồng, sử dụng số thuê bao 0948991318.

- Trả cho bị cáo Huỳnh Văn M: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh trắng, cảm ứng, màn hình bị vỡ, không có sim, số IMEI 1: 8606460556317, số IMEI 2: 860646040556309.

- Tịch thu tiêu hủy gồm:

1. 01 (một) cặp màu đen có in logo DELL.
2. 01 (một) quần dài nam chất liệu vải jean màu xanh đen.
3. 01 (một) quần dài nam chất liệu vải jean màu xanh trắng.
4. 01 (một) quần short nam chất liệu vải jean màu đen.
5. 01 (một) áo khoác dài tay chất liệu vải jean màu xanh.
6. 01 (một) áo vải dài tay màu đen.
7. 04 (bốn) quần lót nam (02 cái màu xám, 01 cái màu kem và 01 cái màu nâu).
8. 01 (một) quần jean ngắn (dạng quần sọt) màu xanh, hiệu H&M JEANS, kích cỡ số 31.
9. 01 (một) áo thun màu đỏ, ngắn tay có nhiều hoa văn màu trắng, hiệu H-P-T, kích cỡ XXL.
10. 01 (một) quần thun ngắn màu xanh đen, mặt trước có số 1.
11. 01 (một) áo thun dài tay (dạng áo khoác) màu xám, có chụp đầu, có nhiều hoa văn và ký tự màu trắng.
12. 01 (một) quần tây dài màu xám đã cũ, có 02 túi trước và 02 túi sau.
13. 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh, có sọc kẻ dọc và kẻ ngang, hiệu Dandy Blue, kích cỡ L.
14. 01 (một) quần lót thun màu xám, hiệu WHITE HORSE, kích cỡ M.
15. 02 (hai) ổ khóa bằng kim loại hiệu VIỆT - TIỆP đã bị hư hỏng.
16. 01 (một) đoạn kim loại (dạng móc cửa).
17. 01 (một) đoạn nhựa màu đỏ dài 22cm.
18. 01 (một) bọc nilon màu trắng.
19. 01 (một) mảnh giấy được cuộn tròn.
20. 01 (một) mảnh kim loại dài 06cm.
21. 01 (một) mảnh vải màu xanh, kích thước 0,5 x 0,4m.
22. 04 (bốn) đoạn dây màu nâu.
23. 01 (một) cái bọc nylon màu đen.
24. 01 (một) chai nhựa màu trắng bên trong có nhiều mảnh vỡ tường xây.
25. 01 (một) đầu bàn chải màu đỏ dài 10cm.
26. 02 (hai) cái mền được buộc lại với nhau.

27. 01 (một) cái quần đùi màu đỏ.

28. 01 (một) thẻ ATM Vietcombank số 4524 0418 2254 9161 tên PHAN TRAN KIM NGOC NGAN.

29. 01 (một) USB hiệu Kingston màu xanh có dòng chữ “DT 101G2 4GB”.

30. 01 (Một) chìa khóa có in chữ Việt - Tiệp.

31. 01 sim điện thoại số thuê bao 0846292928.

32. 01 sim điện thoại số thuê bao 0847479794.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone X, màu đen, cảm ứng, số IMEI: 354868093857011,

2. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 màu đen, cảm ứng, số IMEI 1: 860621057795736, số IMEI 2: 860621057795728,

3. Tiền Việt Nam 10.000.000đ.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm D2 trình bày:* Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, có con nhỏ, bị cáo là người dân tộc thiểu số, quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất cho bị cáo D2 để bị cáo sớm được hoà nhập đời sống xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, nên hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với hành vi “Trốn khỏi nơi giam”:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T và Lâm D2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Xuất phát từ ý định trốn khỏi nơi đang tạm giam nên các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T và Lâm D2 thống nhất cùng nhau trốn khỏi Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu. Các bị cáo chuẩn bị 01 đoạn kim loại dạng móc cửa và 02 ổ khóa cửa bằng kim loại hiệu VIỆT - TIỆP (do bị cáo D lén nhét vào ngày 25/8/2021 khi được trích xuất làm việc) dùng làm công cụ đập phá tường tại vị trí cửa sổ trong phòng. Để không bị phát hiện, hàng ngày, ba bị cáo thay phiên nhau đập phá tường 01 - 02 lần và thực hiện từ ngày 27/8/2021 đến ngày 14/9/2021. Các bị cáo chọn thời điểm thực hiện vào lúc phát

cơm trưa, cơm chiều, khi có loa phát thanh, những lúc trời mưa và không thực hiện vào ban đêm. Đến khoảng 20 giờ ngày 14/9/2021, lợi dụng lúc trời đang mưa, các bị cáo phá khung cửa sổ để trốn khỏi Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu rồi cùng đi đến phòng trọ của Huỳnh Văn M và Phan Trần Kim Ngọc N đang thuê ở thuộc Khóm A, Phường B, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu.

Các bị cáo đang bị tạm giam tại phòng số 05 khu cách ly phòng, chống dịch Covid-19, để điều tra về tội phạm khác. Lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của cán bộ Trại tạm giam, các bị cáo đã có hành vi đập phá tường để bỏ trốn khỏi nơi đang bị tạm giam, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn khỏi nơi giam”. Bị cáo D là người nảy sinh ý định bỏ trốn nên đã rủ rê, lôi kéo các bị cáo T, D2 cùng trốn và được đồng ý, các bị cáo là đồng phạm của nhau, có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể và có sự câu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp phạm tội “có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 386 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với hành vi “Che giấu tội phạm”:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc Tr thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Các bị cáo Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc Tr không hứa hẹn trước, biết bị cáo T đang bị tạm giam về tội “*Giết người*”, D và D2 đang bị tạm giam về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Trốn khỏi nơi giam*” nhưng không trình báo cơ quan có thẩm quyền, mà còn chứa chấp người phạm tội, cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội. Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc Tr phạm tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại các điểm b, e, i khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1] Đối với tội “Trốn khỏi nơi giam”: Các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T và Lâm D2 đang bị tạm giam nhưng với ý thức chấp hành kém, các bị cáo đã lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo đã câu kết với nhau để bỏ trốn khỏi nơi giam, gây khó khăn, cản trở cho công tác điều tra, truy tố và xét xử. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ tạm giam, xâm phạm hoạt động bình thường của cơ quan tiến hành tố tụng mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trị an tại khu giam, giữ, nên cần xử nghiêm để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và nhằm mục đích đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3.2] Đối với tội “Che giấu tội phạm”: Hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc Tr là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết rõ Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T và Lâm D2 đang bị tạm giam về tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng vẫn cố tình che giấu, giúp cho các bị cáo D, T và D2 bỏ trốn, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động tư pháp, gây

cản trở cho việc phát hiện điều tra tội phạm, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, để răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T, Lâm D2, Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc Tr đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[5] Khi xem xét quyết định hình phạt cho các bị cáo, cần cân nhắc đến vai trò đồng phạm của từng bị cáo để phân hóa mức hình phạt cho phù hợp.

[5.1] Đối với tội “Trốn khỏi nơi giam”: Bị cáo Nguyễn Quốc D là người chủ động rủ rê lôi kéo các bị cáo T, D2 cùng phạm tội nên mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn so với các bị cáo còn lại. Đối với bị cáo T và bị cáo D2 là đồng phạm giúp sức tích cực giữ vai trò cùng là người thực hành, do đó mức hình phạt của các bị cáo T, D2 là ngang nhau nhưng thấp hơn bị cáo D.

[5.2] Đối với tội “Che giấu tội phạm”: Các bị cáo M và N tạo điều kiện cho các bị cáo D, T và D2 trốn tại phòng trọ của mình, bị cáo T thì cung cấp phương tiện tạo điều kiện để các bị cáo sử dụng bỏ trốn khỏi Bạc Liêu, hành vi phạm tội của các bị cáo M, N, Tr là như nhau nên phải xử lý cùng một mức án mới tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng. Riêng đối với số tiền 10.000.000 đồng, luận tội của Viện kiểm sát cũng xác định chị Thơm không biết việc bị cáo D trốn khỏi nơi giam, tại phiên tòa bị cáo D xác định chị T2 không biết việc bị cáo trốn khỏi nơi giam và bị cáo yêu cầu trả lại số tiền này cho chị T2, do đó không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về việc tịch thu sung quỹ số tiền 10.000.000 đồng mà cần trả cho chị T2 số tiền nêu trên.

[7] Đối với Nguyễn Thị T2 đã chuyển cho bị cáo D mượn 10.000.000đ vào tài khoản Ngân hàng của bị cáo N theo yêu cầu của bị cáo D. Tuy nhiên, T2 không biết bị cáo D trốn khỏi nơi giam nên Cơ quan điều tra không xử lý T2 về tội “Che giấu tội phạm” theo Điều 389 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[8] Đối với bà Nguyễn Thị T đã đưa quần áo cho bị cáo T và không chỉ nơi lẫn trốn của bị cáo T nhưng bà T3 không có ý thức giúp cho bị cáo T bỏ trốn nên hành vi của bà T3 không phạm tội “Che giấu tội phạm” theo Điều 389 Bộ luật Hình sự.

[9] Đối với những người đã nhận điện thoại của các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T và Lâm D2 sau khi trốn khỏi Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu, quá trình điều tra không có căn cứ xác định họ biết rõ các bị cáo thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam nên không phạm tội “Không tố giác tội phạm” theo Điều 390 Bộ luật Hình sự.

[10] Đối với bà Đinh Ngọc H (mẹ của bị cáo Lưu Ngọc Tr) khi bị cáo Tr lấy xe mô tô 94F7-3489 của bà H đến phòng trọ của các bị cáo M và N. Sau đó, bị cáo Tr cho bị cáo N mượn xe đi rút tiền cho bị cáo D và lấy quần áo cho bị cáo T; đưa bị cáo T về nhà lấy xe để sử dụng làm phương tiện bỏ trốn khỏi tỉnh Bạc Liêu cùng với các bị cáo D và D2 thì bà Hiền không biết nên không phạm tội.

[11] Đối với việc đề người bị tạm giam trốn khỏi Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

[12] Trên cơ sở phân tích nêu trên, chấp nhận một phần lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và người bào chữa cho bị cáo D2.

[13] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T, Lâm Dil, Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc Tr, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T và Lâm D2 phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”; các bị cáo Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc Tr phạm tội “Che giấu tội phạm”

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 15/9/2021.

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 15/9/2021

4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm D2 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 15/9/2021

5. Căn cứ các điểm b, e, i khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn M 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Căn cứ các điểm b, e, i khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Trần Kim Ngọc N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Căn cứ các điểm b, e, i khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc Tr 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

8. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả cho bà Đinh Ngọc H: 01 (một) chiếc xe Wave màu đỏ, biển kiểm soát 94F7-3489, số máy: VTTJL1P52FMH - BOO5928 (chiếc xe đã qua sử dụng) kèm theo chìa khóa xe.

- Trả cho bà Nguyễn Thị T3: 01 (một) điện thoại di động hiệu FORME màu xanh dương, số IMEI: 11357956091739104 (đã qua sử dụng); 01 (một) sim điện thoại số 0917948344 có số seri sim 89840-20001-11405-88516.

- Trả cho bị cáo Lưu Ngọc Tr: 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C3 màu đỏ (đã qua sử dụng); 01 (một) ốp lưng điện thoại màu hồng; 01 sim điện thoại số 0948991318 có số seri sim 89840-20001-11086-44442

- Trả cho bị cáo Huỳnh Văn M: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh trắng, số Imei 1: 860646040556317, số Imei 2: 860646040556309, màn hình điện thoại bị bể (đã qua sử dụng);

- Trả cho Nguyễn Thị T2 số tiền 10.000.000 đồng.

- Tịch thu ,tiêu hủy gồm:

1. 01 (một) cái cặp màu đen có in logo DELL;
2. 01 (một) cái quần nam dài chất liệu vải jean màu xanh đen;
3. 01 (một) cái quần nam dài chất liệu vải jean màu xanh trắng;
4. 01 (một) cái quần sọt nam chất liệu vải jean màu đen;
5. 01 (một) cái áo khoác dài tay chất liệu vải jean màu xanh;
6. 01 (một) cái áo vải dài tay màu đen;
7. 02 (hai) cái quần lót nam màu xám; 01 (một) cái quần lót nam màu kem và 01 (một) cái quần lót nam màu nâu;
8. 01 (một) quần jean ngắn (dạng quần sọt) màu xanh, hiệu H&M JEANS, kích cỡ số 31;
9. 01 (một) áo thun màu đỏ, ngắn tay có nhiều hoa văn màu trắng, hiệu H-P-T, kích cỡ XXL;
10. 01 (một) quần thun ngắn màu xanh đen, mặt trước có số 1;
11. 01 (một) áo thun dài tay (dạng áo khoát) màu xám, có chụp đầu, có nhiều hoa văn và ký tự màu trắng;
12. 01 (một) quần tây dài màu xám đã cũ, có 02 túi trước và 02 túi sau;
13. 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh, có sọc kẻ dọc và kẻ ngang, hiệu Dandy Blue, kích cỡ L;
14. 01 (một) quần lót thun màu xám, hiệu WHITE HORSE, kích cỡ M;
15. 02 (hai) ổ khóa Việt Tiệp đã bị hư hỏng;
16. 01 (một) thanh kim loại dài 17cm (dạng móc cửa);
17. 01 (một) cây nhựa màu đỏ dài 22cm;

- 18. 01 (một) bọc nilong màu trắng;
- 19. 01 (một) mảnh giấy được cuộn tròn;
- 20. 01 (một) mảnh kim loại (nhôm) dài 06cm;
- 21. 01 (một) mảnh vải màu xanh có kích thước 0,5 x 0,4m;
- 22. 04 (bốn) đoạn dây màu nâu;
- 23. 01 (một) bọc nilong màu đen;
- 24. 01 (một) chai nhựa bên trong chứa mảnh vỡ tường xây;
- 25. 01 (một) đầu bàn chải màu đỏ (bàn chải trà cầu) dài 10cm;
- 26. 02 (hai) cái mền được buộc chặt vào nhau (có 03 nút thắt);
- 27. 01 (một) cái quần đùi màu đỏ;
- 28. 01 (một) thẻ ATM Vietcombank số 4524041822549161 PHAN TRAN KIM NGOC NGAN.
- 29. 01 (một) USB hiệu Kingston, màu xanh, có dòng chữ DT101 G2 4GB.
- 30. 01 (một) chìa khóa có in chữ VIET - TIEP.
- 31. 01 (một) sim điện thoại số 0846292928 có seri 89840-20001-08722-55419;
- 32. 01 (một) sim điện thoại số 0847479794 có seri 89840200011136455522;
- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:
- 1. 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone X, màu đen, cảm ứng, số Imei: 354868093857011 (đã qua sử dụng);
- 2. 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A92, loại cảm ứng, màu đen, số Imei 1: 860621057795736, số Imei 2: 860621057795728 (đã qua sử dụng);

(Các vật chứng nêu trên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 27/5/2022, biên lai thu tiền số 0000160 ngày 27/5/2022).

9. Về án phí: Căn cứ các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thành T, Lâm D2, Huỳnh Văn M, Phan Trần Kim Ngọc N và Lưu Ngọc Tr, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và những tham gia tố tụng khác có mặt có quyền kháng cáo bản án. Riêng chị T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQĐT Công an tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Sở Tư Pháp (01b);
- Bị cáo (06b);
- Luật sư (01b);
- Người liên quan (03b)
- Lưu.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Tăng Trần Quỳnh Phương**